

TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ HỒNG PHONG

**CÔNG KHAI BỔ SUNG KINH PHÍ KHÔNG
TỰ CHỦ VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ
DẠY HỌC CHO CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG
HỌC NĂM 2025**

Số: 102 /QĐ- LHP

Ngày 25 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V.v công bố công khai Bổ sung kinh phí không tự chủ và bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học cho các đơn vị trường học năm 2025 của trường TH Lê Hồng Phong

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ giáo dục Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-PGDĐT ngày 09/06/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo “Bổ sung kinh phí không tự chủ cho các đơn vị trường học Năm 2025 của trường TH Lê Hồng Phong”;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-PGDĐT ngày 09/06/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo “Bổ sung kinh phí Mua sắm trang thiết bị dạy học Nguồn ngân sách Thành phố cấp năm 2025 của trường TH Lê Hồng Phong”;

Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-PGDĐT ngày 11/06/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo “V/v Bổ sung kinh phí sắm trang thiết bị dạy học Nguồn ngân sách Thành phố cấp năm 2025 của trường TH Lê Hồng Phong”;

Theo đề nghị của kế toán nhà trường về công khai Bổ sung kinh phí không tự chủ và bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học cho các đơn vị trường học năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Bổ sung kinh phí không tự chủ và bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học cho các đơn vị trường học năm 2025 (theo các biểu đính kèm) thành phần gồm có:

- | | | |
|------------------------------|------------------------------|--------------|
| 1. Bà: Hoàng Thị Huệ | - Chức vụ: Hiệu trưởng | - Tổ trưởng |
| 2. Bà: Trịnh Thị Tuyết Nhung | - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng | - Thành viên |
| 3. Bà: Đỗ Thị Hằng | - Chức vụ: Kế toán | - Thành viên |
| 4. Bà: Đỗ Thị Ngọc Hà | - Chức vụ: Thư ký nhà trường | - Thành viên |

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Hiệu trưởng, kế toán và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Công khai bảng tin, đăng trang web;
- Lưu :VT.

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Thị Huệ

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI

“Về việc công khai Bổ sung kinh phí không tự chủ và bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học cho các đơn vị trường học năm 2025 của trường TH Lê Hồng Phong”

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ giáo dục Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 839/QĐ-PGDĐT ngày 09/06/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo “Bổ sung kinh phí không tự chủ cho các đơn vị trường học Năm 2025 của trường TH Lê Hồng Phong”;

Căn cứ Quyết định số 843/QĐ-PGDĐT ngày 09/06/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo “Bổ sung kinh phí Mua sắm trang thiết bị dạy học Nguồn ngân sách Thành phố cấp năm 2025 của trường TH Lê Hồng Phong”;

Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-PGDĐT ngày 11/06/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo “V/v Bổ sung kinh phí sắm trang thiết bị dạy học Nguồn ngân sách Thành phố cấp năm 2025 của trường TH Lê Hồng Phong”;

Hôm nay, vào hồi 16h30 phút ngày 25/06/2025, tại hội trường của trường TH Lê Hồng Phong.

1. Thành phần:

Toàn thể CB, GV, NV nhà trường: 31/31 đồng chí

- | | | |
|------------------------------|------------------------------|--------------|
| 1. Bà: Hoàng Thị Huệ | - Chức vụ: Hiệu trưởng | - Tổ trưởng |
| 2. Bà: Trịnh Thị Tuyết Nhung | - Chức vụ: CTCĐ- PHT | - Thành viên |
| 3. Bà: Đỗ Thị Hằng | - Chức vụ: Kế toán | - Thành viên |
| 4. Bà: Đỗ Thị Ngọc Hà | - Chức vụ: Thư ký nhà trường | - Thành viên |

2. Nội dung: Tiến hành niêm yết công khai thực hiện bổ sung kinh phí không tự chủ và bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học năm 2025 cho các đơn vị trường học năm 2025 của trường TH Lê Hồng Phong như sau:

2.1. Công khai về việc công khai bổ sung kinh phí không tự chủ và bổ sung kinh phí mua sắm trang thiết bị dạy học cho các đơn vị trường học năm 2025 của trường TH Lê Hồng Phong ;

2.2. Thời gian niêm yết: 90 ngày từ ngày 25/06/2025 đến hết ngày 25/08/2025;

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng công khai trường TH Lê Hồng Phong

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai nêu trên, đề nghị gửi kiến nghị về qua bà Đỗ T. Ngọc Hà – Gmail: Ngocha300889@gmail.com - ĐT: 0976.916.859 để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định. Giao bà Đỗ T. Ngọc Hà thực hiện việc bảo đảm an toàn các bảng biểu từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 17h15 phút cùng ngày. Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 01 bản và lưu tại hồ sơ công khai của nhà trường.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



Đỗ Thị Ngọc Hà

KẾ TOÁN



Đỗ Thị Hằng

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trịnh T. Tuyết Nhung

TỔ TRƯỞNG



**Hoàng Thị Huệ
(Hiệu trưởng)**

Số: 839/QĐ-PGDĐT

Uông Bí, ngày 09 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp bổ sung kinh phí không tự chủ cho các đơn vị trường học
Năm 2025**

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật NSNN số 83/2015/QH13 ngày 25/06/2015 của Quốc hội;
Căn cứ Quyết định số 6488/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-PGDĐT ngày 03/01/2025 của phòng Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán Thu - Chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc cấp bổ sung kinh phí cho giáo viên hợp đồng 6 tháng cuối năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch kinh phí năm 2025 của chuyên môn cấp học Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Thể dục thể thao và các nhiệm vụ chi khác tại Phòng Giáo dục Đào tạo; Căn cứ quy mô Trường, Lớp học;

Căn cứ Tờ trình xin cấp bổ sung kinh phí của các đơn vị trường học;

Xét đề nghị của Bộ phận Tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm dự toán của Phòng Giáo dục Đào tạo, cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị trường học số tiền: **11.002.960.900 đồng (Bằng chữ: Mười một tỷ, không trăm linh hai triệu, chín trăm sáu mươi ngàn, chín trăm đồng chẵn).**

Có biểu chi tiết kèm theo.

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí không tự chủ thành phố cấp năm 2025.

Điều 2. Giao bộ phận Tài vụ cấp số kinh phí trên và hướng dẫn các đơn vị trường học thực hiện; Các đơn vị trường học phân bổ dự toán và quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trường học, các đơn vị và cá nhân liên căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (đề t/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, TV PGDĐT.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nam Hải

TỔNG HỢP KINH PHÍ KHÔNG TỰ CHỦ CẤP BỔ SUNG

(Kèm theo Quyết định số 839/QĐ-PGDĐT ngày 09/6/2025 của Phòng GDĐT)

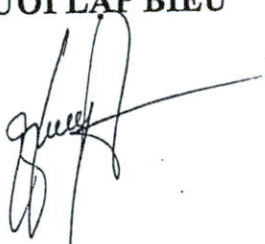
ĐVT: Đồng

STT	Tên đơn vị	Tăng lương phụ cấp trong năm 2025	Hỗ trợ giáo viên ôn tuyển sinh vào lớp 10 THPT	Bổ sung KP GVHD 6 tháng đầu năm	Cấp bổ sung theo định mức 15% hoạt động chung	Bổ sung KP GVHD 6 tháng cuối năm 2025	Tổng nhu cầu kinh phí cấp bổ sung
1	2	3	4	5	6	7	8=3+4+5+6+7
	TỔNG CỘNG	3.673.180.000	941.230.900	551.870.000	1.878.000.000	3.958.680.000	11.002.960.900
I	MÀM NON	932.425.900	-	-	650.000.000	276.375.000	1.858.800.900
1	MN 19-5	60.213.000			50.000.000		110.213.000
2	MN Nam Khê	54.757.100			50.000.000		104.757.100
3	MN Phương Đông	117.258.400			40.000.000	104.610.000	261.868.400
4	MN Phương Nam	96.998.000			40.000.000		136.998.000
5	MN Quang Trung	82.969.000			40.000.000		122.969.000
6	MN Thượng Yên Công	70.950.100			60.000.000	114.510.000	245.460.100
7	MN Vàng Danh	45.923.100			100.000.000		145.923.100
8	MN Yên Thanh	73.799.600			50.000.000		123.799.600
9	MN Thanh Sơn	104.881.000			40.000.000		144.881.000
10	MN Diên Công	33.392.300			50.000.000		83.392.300
11	MN Đồng Chanh	51.410.000			50.000.000	57.255.000	158.665.000
12	MN Trung Vương	63.882.100			40.000.000		103.882.100
13	MN Bắc Sơn	75.992.200			40.000.000		115.992.200

STT	Tên đơn vị	Tăng lương phụ cấp trong năm 2025	Hỗ trợ giáo viên ôn tuyển sinh vào lớp 10 THPT	Bổ sung KP GVHD 6 tháng đầu năm	Cấp bổ sung theo định mức 15% hoạt động chung	Bổ sung KP GVHD 6 tháng cuối năm 2025	Tổng nhu cầu kinh phí cấp bổ sung
1	2	3	4	5	6	7	8=3+4+5+6+7
II	TIÊU HỌC	1.517.856.800	-	214.170.000	740.000.000	1.703.460.000	4.175.486.800
1	TH&THCS Nam Khê	77.486.000			40.000.000		117.486.000
2	TH Kim Đồng	55.063.800			50.000.000	114.510.000	219.573.800
3	TH Lê Hồng Phong	87.841.700			50.000.000		137.841.700
4	TH Lê Lợi	155.872.400			40.000.000	52.305.000	248.177.400
5	TH Lý Thường Kiệt	134.285.300			40.000.000	52.305.000	226.590.300
6	TH Phương Đông A	61.360.800		52.305.000	40.000.000	366.135.000	519.800.800
7	TH Phương Đông B	139.387.900			40.000.000		179.387.900
8	TH Phương Nam B	61.506.900			50.000.000	52.305.000	163.811.900
9	TH Phương Nam C	51.107.400			50.000.000		101.107.400
10	TH Quang Trung	148.356.400			40.000.000		188.356.400
11	TH Trần Hưng Đạo	65.883.600			40.000.000	52.305.000	158.188.600
12	TH Trần Phú	116.472.400			40.000.000	156.915.000	313.387.400
13	TH Yên Thanh	127.767.600			40.000.000	261.525.000	429.292.600
14	TH Điện Công	18.559.000		104.610.000	40.000.000	104.610.000	267.779.000
15	TH Trưng Vương	118.451.300			40.000.000		158.451.300
16	TH Phương Nam A	57.030.400			50.000.000	261.525.000	368.555.400
17	TH Nguyễn Bá Ngọc	41.423.900		57.255.000	50.000.000	229.020.000	377.698.900
III	THCS	1.222.897.300	941.230.900	337.700.000	488.000.000	1.978.845.000	4.968.673.200
1	THCS Điện Công	17.616.000	14.422.200	50.655.000	40.000.000	151.965.000	274.658.200
2	THCS Lý Tự Trọng	62.165.600	64.517.700		50.000.000	104.610.000	281.293.300

STT	Tên đơn vị	Tăng lương phụ cấp trong năm 2025	Hỗ trợ giáo viên ôn tuyển sinh vào lớp 10 THPT	Bổ sung KP GVHD 6 tháng đầu năm	Cấp bổ sung theo định mức 15% hoạt động chung	Bổ sung KP GVHD 6 tháng cuối năm 2025	Tổng nhu cầu kinh phí cấp bổ sung
1	2	3	4	5	6	7	8=3+4+5+6+7
3	TH&THCS Nam Khê	60.830.400	24.500.000	50.655.000	40.000.000	50.655.000	226.640.400
4	THCS Nguyễn Văn Cừ	105.456.300	89.300.700	151.965.000	100.000.000	253.275.000	699.997.000
5	THCS Phương Đông	142.810.900	127.577.800	33.770.000	40.000.000	405.240.000	749.398.700
6	THCS Phương Nam	107.796.200	82.342.300		40.000.000	354.585.000	584.723.500
7	THCS Trung Vương	109.968.000	47.606.300		40.000.000	50.655.000	248.229.300
8	THCS Yên Thanh	104.164.200	93.397.000	50.655.000	40.000.000	151.965.000	440.181.200
9	THCS Trần Quốc Toàn	223.523.100	157.708.300		29.000.000	303.930.000	714.161.400
10	THCS Nguyễn Trãi	229.094.000	212.804.300		29.000.000	151.965.000	622.863.300
11	THCS Bắc Sơn	59.472.600	27.054.300		40.000.000		126.526.900

NGƯỜI LẬP BIỂU



Đoàn Thị Huyền Trang

KẾ TOÁN



Phạm Thị Thuý Vinh

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nam Hải

Số: 843/QĐ-PGDĐT

Uông Bí, ngày 09 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v cấp bổ sung kinh phí Mua sắm trang thiết bị dạy học
(Nguồn ngân sách Thành phố cấp năm 2025)**

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

*Căn cứ Quyết định số 3410/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc cấp bổ sung kinh phí;*

Xét đề nghị của Bộ phận Tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp bổ sung kinh phí không tự chủ cho các đơn vị trường học công lập thuộc Phòng giáo dục và Đào tạo số tiền: **1.935.840.000 đồng. (Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn)**, để thực hiện mua sắm bổ sung trang thiết bị giáo dục năm 2025. Có biểu chi tiết kèm theo.

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn ngân sách Thành phố cấp năm 2025 cho Phòng Giáo dục và Đào tạo

Điều 2. Giao bộ phận Tài vụ thực hiện phân bổ dự toán cho các đơn vị. Các đơn vị trường học chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí, báo cáo quyết toán theo đúng quy định.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị và cá nhân liên căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, TV.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nam Hải

UBND THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BIỂU CẤP KINH PHÍ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ GIÁO DỤC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 843/QĐ-PGDĐT ngày 09/6/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	<u>1.935,840</u>	
I	KHỐI MẦM NON	1.096,92	
1	MN 19-5	96,219	
2	MN Nam Khê	50,147	
3	MN Phương Nam	99,311	
4	MN Quang Trung	87,262	
5	MN Thượng Yên Công	287,500	
6	MN Vàng Danh	49,479	
7	MN Yên Thanh	99,560	
8	MN Thanh Sơn	94,737	
9	MN Đồng Chanh	35,672	
10	MN Trung Vương	97,817	
11	MN Bắc Sơn	99,216	
II	KHỐI TIỂU HỌC	491,820	
1	TH Lê Hồng Phong	40,300	
2	TH Lê Lợi	18,000	
3	TH Phương Đông A	47,850	
4	TH Phương Nam B	43,700	
5	TH Phương Nam C	37,880	
6	TH Trần Hưng Đạo	76,570	
7	TH Trần Phú	47,670	
8	TH Yên Thanh	49,750	
9	TH Trung Vương	92,500	
10	TH Phương Nam A	37,600	
III	KHỐI THCS	347,10	
1	THCS Lý Tự Trọng	47,700	
2	THCS Nam Khê	97,600	
3	THCS Nguyễn Văn Cừ	37,500	
4	THCS Trung Vương	49,400	
5	THCS Trần Quốc Toàn	37,500	
6	THCS Nguyễn Trãi	30,000	
7	THCS Bắc Sơn	47,400	

LẬP BIỂU

Phạm Việt Hùng

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nam Hải

QUYẾT ĐỊNH
V/v cấp bổ sung kinh phí
Mua sắm trang thiết bị dạy học năm 2025

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ UÔNG BÍ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 3410/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về việc cấp bổ sung kinh phí;
Xét đề nghị của Bộ phận Tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp bổ sung kinh phí không tự chủ cho các đơn vị trường học công lập thuộc Phòng giáo dục và Đào tạo số tiền: **18.289.352.000 đồng. (Bằng chữ: Mười tám tỷ, hai trăm tám mươi chín triệu, ba trăm năm mươi hai ngàn đồng chẵn)**, để thực hiện mua sắm lần đầu thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2,3,4,5 cấp Tiểu học; Lớp 6,7,8,9 cấp THCS theo Thông tư của Bộ Giáo dục để phục vụ năm học 2025-2026. *Có biểu chi tiết kèm theo.*

Trong đó:

- Mua sắm tập trung tài sản trên 10 triệu: 15.736.225.210 đồng
- Mua sắm tại đơn vị tài sản dưới 10 triệu: 2.553.126.790 đồng

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn Tỉnh cấp bổ sung có mục tiêu cho Thành phố năm 2025.

Điều 2. Giao bộ phận Tài vụ thực hiện phân bổ dự toán cho các đơn vị. Các đơn vị trường học chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí, báo cáo quyết toán theo đúng quy định.

Điều 3. Thủ trưởng đơn vị và cá nhân liên căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, TV.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nam Hải

**BIỂU CHI TIẾT KINH PHÍ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ GIÁO DỤC
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC NĂM 2025**

(Mua sắm tập trung tại Tỉnh tài sản > 10 triệu và Mua sắm tại trường tài sản dưới 10 triệu)

(Kèm theo Quyết định số: 851/QĐ-PGDĐT ngày 11/6/2025 của phòng Giáo dục và Đào tạo)

ĐVT: Đồng

Số TT	Tên Đơn vị	Mua sắm tập trung tài sản trên 10 triệu	Mua sắm tại đơn vị tài sản dưới 10 triệu	Tổng cộng kinh phí cấp
	TỔNG CỘNG	15.736.225.210	2.553.126.790	18.289.352.000
I	KHỐI TIỂU HỌC	7.562.620.000	1.347.966.000	8.910.586.000
1	Trường TH Yên Thanh	527.541.000	92.972.000	620.513.000
2	Trường TH Lê Lợi	366.080.000	66.114.000	432.194.000
3	Trường TH & THCS Nam Khê	333.036.000	117.784.000	450.820.000
4	Trường TH Quang Trung	357.068.000	46.134.000	403.202.000
5	Trường TH Phương Đông A	306.019.000	73.834.000	379.853.000
6	Trường TH Phương Đông B	719.837.000	79.184.000	799.021.000
7	Trường TH Lý Thường Kiệt	450.968.000	60.114.000	511.082.000
8	Trường TH Trần Hưng Đạo	490.205.000	80.754.000	570.959.000
9	Trường TH Trung Vương	304.003.000	110.604.000	414.607.000
10	Trường TH Phương Nam A	450.881.000	80.834.000	531.715.000
11	Trường TH Phương Nam B	660.829.000	54.414.000	715.243.000
12	Trường TH Phương Nam C	481.038.000	81.004.000	562.042.000
13	Trường TH Trần Phú	371.625.000	60.114.000	431.739.000
14	Trường TH Lê Hồng Phong	642.411.000	129.584.000	771.995.000
15	Trường TH Kim Đồng	435.988.000	59.414.000	495.402.000
16	Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	504.893.000	76.804.000	581.697.000
17	TH&THCS Điện công (TH)	160.198.000	78.304.000	238.502.000
II	KHỐI THCS	8.173.605.210	1.205.160.790	9.378.766.000
1	Trường THCS Yên Thanh	1.095.430.620	226.507.990	1.321.938.610
2	Trường TH&THCS Nam Khê	893.530.620	115.354.000	1.008.884.620
3	Trường THCS Trần Quốc Toàn	971.487.000	81.914.000	1.053.401.000
4	Trường THCS Nguyễn Trãi	612.480.620	80.934.000	693.414.620
5	Trường THCS Trung Vương	894.713.620	117.391.800	1.012.105.420
6	Trường THCS Bắc Sơn	591.424.620	111.050.000	702.474.620
7	Trường THCS Lý Tự Trọng	580.879.620	111.748.000	692.627.620
8	Trường THCS Nguyễn Văn Cừ	668.395.620	36.134.000	704.529.620
9	Trường THCS Phương Nam	661.507.620	61.754.000	723.261.620
10	Trường THCS Phương Đông	624.810.630	197.369.000	822.179.630
11	TH&THCS Điện công (THCS)	578.944.620	65.004.000	643.948.620